

**CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN ZHENJIE VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN ZHENJIE VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ZHENJIE VIETNAM MECHANICAL AND ELECTRICAL COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: ZHENJIE CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301273798

**3. Ngày thành lập:** 30/01/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Lô CN6, Cụm cn làng nghề Phúc Xuyên, Phường Khúc Xuyên, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0348450012

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                               | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                      | 4649        |
| 2.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                      | 4652        |
| 3.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                  | 4653        |
| 4.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                         | 4659        |
| 5.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                     | 4662        |
| 6.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                 | 4663        |
| 7.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                       | 4669        |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu | 8299        |
| 9.  | Bán buôn tổng hợp                                                       | 4690(Chính) |
| 10. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                      | 4719        |
| 11. | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh                    | 2013        |
| 12. | Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu                  | 2029        |
| 13. | Sản xuất sợi nhân tạo                                                   | 2030        |
| 14. | Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu                                   | 2100        |
| 15. | Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su                     | 2211        |
| 16. | Sản xuất sản phẩm khác từ cao su                                        | 2219        |
| 17. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                            | 2220        |
| 18. | Sản xuất sắt, thép, gang                                                | 2410        |
| 19. | Sản xuất kim loại quý và kim loại màu                                   | 2420        |
| 20. | Đúc sắt, thép                                                           | 2431        |
| 21. | Đúc kim loại màu                                                        | 2432        |
| 22. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                          | 2511        |

|     |                                                                                                        |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 23. | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                             | 2512 |
| 24. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                       | 2591 |
| 25. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                           | 2592 |
| 26. | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng                                            | 2593 |
| 27. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                                            | 2599 |
| 28. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                             | 2610 |
| 29. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                              | 2620 |
| 30. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                     | 2640 |
| 31. | Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển                                         | 2651 |
| 32. | Sản xuất đồng hồ                                                                                       | 2652 |
| 33. | Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ                                     | 4783 |
| 34. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                                    | 4784 |
| 35. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu                                                           | 4799 |
| 36. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu                                                                   | 3290 |
| 37. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                 | 3311 |
| 38. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                             | 3312 |
| 39. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                 | 3313 |
| 40. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                 | 3319 |
| 41. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                | 3320 |
| 42. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh | 4741 |
| 43. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                              | 4742 |
| 44. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh   | 4752 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: TRẦN THỊ BÍCH THUY

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 12/09/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027190009423

Ngày cấp: 02/10/2023

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Khu Hai Ván, Phường Vân Dương, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu Hai Ván, Phường Vân Dương, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

Thời gian đăng từ ngày 31/01/2024 đến ngày 01/03/2024

\* Họ và tên: BAO, XINZHANG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 11/06/1979

Dân tộc: Quốc tịch:

Trung Quốc

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: E63443027

Ngày cấp: 17/11/2015

Nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh, Bộ công an

Trung Quốc

Địa chỉ thường trú: Phòng 304, Tòa nhà 8, Guofenghuayuan, Quận Wuzhong, Thành phố Tô Châu, Tỉnh Giang Tô, Trung Quốc

Địa chỉ liên lạc: Lô CN6, Cụm cn làng nghề Phúc Xuyên, Phường Khúc Xuyên, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh